

Bản án số: **356/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: **29/12/2021**.

V/v “**Tranh chấp ly hôn**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hoàng Vương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nghiêm Thị Xuân Huê**.

2. Bà **Võ Anh Thư**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 515/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6385/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021. giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**, sinh năm: 1972 – (có mặt).

Địa chỉ: 100/8 Tr, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Quốc B**, sinh năm: 1965 – (có mặt).

Địa chỉ: Số 178, đường A, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết Nh trình bày:

Bà và ông Trần Quốc B tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 7/11/1990 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 079/90, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/1990.

Sau khi kết hôn, bà và ông B thường hay xảy ra mâu thuẫn và ông B thường xuyên Bảo thường xuyên bạo hành bà, đánh đập bà. Đồng thời, ông B còn ra ngoài lăng nhăng với nhiều phụ nữ khác. Dù được gia đình hai bên khuyên nhủ và bà đã nhiều lần bỏ qua cho ông B nhưng ông vẫn không thay đổi, mục đích hôn không đạt được nên bà cương quyết ly hôn với ông Bảo. Trước đây, vào ngày 12/12/2019 bà đã từng nộp đơn xin ly hôn với ông Bảo. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án động viên hòa giải, bản thân bà cũng

muốn cho ông B cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn, nhưng từ đó đến nay ông B vẫn không thay đổi. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là Trần Kim Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 13/02/1992 (đã trưởng thành) và Trần Khánh Ng2(giới tính: Nữ), sinh ngày 22/02/2004. Sau khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bà Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về tài sản chung: Số 178, đường A, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 1 đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc giao nộp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ,... Bị đơn ông Trần Quốc B dù được Tòa án nhân dân Quận 1 triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Quốc B có mặt và trình bày: Ông thừa nhận quá trình sống chung giữa ông và bà Nh có nhiều mâu thuẫn, trong lúc xung đột do không kìm chế được cơn nóng giận và có vài lần đánh bà Nh nhưng không đến mức nghiêm trọng. Đó là sự việc trước đây, hiện nay ông cũng đã thấy hối hận và còn thương vợ thương con nên xin hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh thì ông cũng đồng ý giao con chung chưa trưởng thành cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung xin tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Ông B xác định giữa ông và bà Nh chỉ có tài sản chung là căn hộ Số 178, đường A, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc B không có yêu cầu phản tố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 22/02/2004 có nguyện vọng sống chung cùng mẹ là bà Nh. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nh và ông B tại địa phương là Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 với kết quả: “Qua xác minh thực tế của Cảnh sát khu vực khu phố 3 và tổ trưởng tổ dân phố 51, Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 có ý kiến như sau: Ông Trần Quốc B hiện đang cư ngụ tại địa chỉ số Số 178, đường A, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trong thời gian sống chung tại địa phương, ông B và bà Nh không có mâu thuẫn gây mất an ninh trật tự; trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 22/02/2004 đã đi khỏi địa phương cùng với bà Nh”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét là còn trễ theo qui định tại Điều 203 bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo như bà Nh trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông B thiếu quan tâm chăm sóc vợ con nên mâu thuẫn phát sinh từ nhiều năm nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa. Bản thân ông B không đồng ý ly hôn và xin thời gian hàn gắn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, thực tế hiện nay bà Nh và ông B đã ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Nh và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh. Về con chung: Giao con chung trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 22/02/2004 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết; tài sản chung và nợ chung: Bà Nh và ông B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 079/90, quyền số 01 do tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7/11/1990 thì bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Trần Quốc B có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nh có đơn xin ly hôn với ông B. Ông B cư ngụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý và giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Bà Nh trình bày: Trong thời gian chung sống với ông B, bà và ông B thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống chung và do ông B có tính tình gia trưởng, thường hay bạo hành bà và các con. Đồng thời, trong khoảng thời gian sống chung ông B không chung thủy, bà đã nhiều lần bà phát hiện và tha thứ cho ông B nhưng ông vẫn không thay đổi và không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà và ông B đã ly thân từ khoảng thời gian năm 2014 nhưng vẫn sống chung nhà, đến khoảng tháng 8 năm 2019 thì bà và hai con chung của bà với ông B đã dọn ra khỏi nhà. Ngoài ra, theo bà Nh trình bày thì trước đây có người nộp đơn tố cáo ông B về tội quấy rối. Tuy nhiên, kết quả giải quyết đơn thì bà không rõ. Đồng thời, bà Nh có cung cấp bản photocopy giấy mời của cơ quan Cảnh sát Điều tra quận Phú Nhuận và Công an Quận 1 với nội dung: “Về việc làm rõ mối quan hệ với đương sự Lâm Ngọc Quyên” và có yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, sau khi xem xét nhận thấy, đây là chứng cứ liên quan người thứ ba, không phải là chứng cứ trực tiếp liên quan đến việc giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông B;

[2.2]. Căn cứ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: “Qua xác minh thực tế của Cảnh sát khu vực khu phố 3 và tổ trưởng tổ dân phố 51, Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 có ý kiến như sau: Ông Trần Quốc B hiện đang cư ngụ tại địa chỉ số 178, Phòng 14 – Lầu 1, đường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trong thời gian sống chung tại địa phương, ông B và bà Nh không có mâu thuẫn gây mất an ninh trật tự; trẻ Trần Khánh Ngân, sinh ngày 22/02/2004 đã đi khỏi địa phương cùng với bà Nh”. Với kết quả trả lời xác minh không có mâu thuẫn gây mất an ninh trật tự như trên phù hợp với lời khai của bà Nh. Trong khoảng thời gian sống chung, tuy giữa bà và ông B thường xuyên xảy ra, mâu thuẫn, xung đột..., nhưng vì giữ thể diện gia đình nên bà không có nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Do đó, Cảnh sát khu vực và tổ trưởng tổ dân phố không nắm được thông tin mâu thuẫn là có căn cứ;

[2.3]. Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: “Đương sự Trần Quốc B, sinh năm 1965 có

đăng ký thường trú tại phòng 14, Lầu 1 số 178 Trần Hưng Đạo, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, và thực tế cư trú tại địa chỉ trên”. Như vậy, tại thời điểm thụ lý và giải quyết vụ án ông B vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên. Tuy nhiên, ông B cố tình vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông B không còn tha thiết hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nh nữa. Từ đó cho thấy, những gì bà Nh trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Ông Trần Quốc B có đơn đề ngày 23/12/2021 với nội dung “Từ khi Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý đến ngày ông làm đơn, ông chưa bao giờ được Tòa mời lên để xem xét hòa giải, theo như luật tổ tụng dân sự và Hôn nhân và gia đình Việt Nam căn cứ vào các điều khoản 205, 206, 207, 208 và Điều 209 thì ông và bà Nh cần được Tòa tạo điều kiện để hòa giải hàn gắn tình nghĩa vợ chồng để giải quyết mọi vấn đề mâu thuẫn trong gia đình được ổn thỏa để nối lại tình cảm vợ chồng...”. Tuy nhiên, căn cứ vào các biên bản tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo giao nộp chứng ... thông báo phiên họp kiểm tra và hòa giải, quyết định đưa vụ án xét xử và các kết quả xác minh cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định lời trình bày của ông B là không có căn cứ. Mặt khác, tại phiên tòa ông B thừa nhận có nhận được Quyết định xét xử do Tòa tổng đạt, niêm yết và ông đồng ý tham gia phiên tòa ngày hôm nay.

[4]. Tại phiên tòa, ông B thừa nhận quá trình sống chung giữa ông và bà Nh có nhiều mâu thuẫn và có vài lần do nóng giận ông có đánh bà Nh gây thương tích nhẹ. Tuy nhiên, ông xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà Nh và mong muốn bà Nh cho ông cơ hội để hòa giải đoàn tụ nhưng bà Nh không đồng ý.

[5]. Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 336/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1 và lời trình bày của bà Nh. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nh và ông B đều xác nhận cuộc sống chung có quá nhiều mâu thuẫn, bất đồng, trầm trọng kéo dài và cả hai không giải quyết được. Bà Nh đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn và sau đó chủ động rút đơn đề cho ông B cơ hội nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu bà Nh và ông B tiếp chung sống sẽ có nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông B tuy không đồng ý ly hôn và cho rằng còn tình cảm vợ chồng với bà Nh nhưng trong suốt khoảng thời gian dài ly thân ông vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Nh. Tại phiên tòa, cả ông B và bà Nh chỉ trình bày những khuyết điểm của nhau, ông B không có phương án nào cho thấy nếu tiếp tục cuộc sống sẽ có hạnh phúc;

[6]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng giữa bà Nh và ông B đều không có thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà. Bà Nh và ông B ly thân đã lâu. Ông B không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình ly thân ông cũng có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay bà Nh cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nh được ly hôn với ông B là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nh và ông B có 02 con chung tên Bà và ông B có 02 con chung là Trần Kim Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 13/02/1992 (đã trưởng thành) và Trần Khánh Ng2(giới tính: Nữ), sinh ngày 22/02/2004. Sau khi ly hôn, bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa trưởng thành. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[8]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí: Án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Tuyết Nh nộp..

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nh.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh được ly hôn với ông Trần Quốc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 079/90, quyển số 01 do tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7/11/1990 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nh và ông B có 02 con chung tên Bà và ông B có 02 con chung là Trần Kim Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 13/02/1992 (đã trưởng thành) và Trần Khánh Ng2(giới tính: Nữ), sinh ngày 22/02/2004. Sau khi ly hôn, giao con chung con chung chưa trưởng thành là trẻ Trần Khánh Ng2(giới tính: Nữ), sinh ngày 22/02/2004 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến bà Nh không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông B đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Tuyết Nh đã nộp theo biên lai số AA/2019/0029930 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, ông Trần Quốc B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện

kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng Vương

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều.

2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 408/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5693/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5947/2018/QĐHPTST- HNGĐ ngày 29/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hằng**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 211/8 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Sáu**, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: 211/8 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 24 Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử đã thảo luận và thống nhất biểu quyết, quyết định 3/3 (100%) tất cả các vấn đề của vụ án như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hằng với ông Nguyễn Văn Sáu.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 11 Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/2001 vẫn còn nguyên giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Do yêu cầu ly hôn không chấp nhận nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hằng và ông Sáu không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Hằng nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Hằng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003665 ngày 30/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Bà Hằng đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hằng được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn Sáu được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đặt hoặc niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc giờphút, ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA